

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-PT.

Ngày: 28/4/2020

V/v: “*Tranh chấp QSDĐ và tài sản
trên đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thọ;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn–
Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLPT- DS ngày 19/02/2020 về việc: “*Tranh chấp QSDĐ và tài sản trên đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS- ST ngày 09/12/2019 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2020/QĐ-PT ngày 24/3/2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Thân Thị L, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn N, xã Nội H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Ngô Thế H, (có mặt);

Luật sư Nguyễn Văn Th, (có mặt)

Đều ở Văn phòng Luật sư Thành Đ, đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Thân Văn H1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, phố Trương Đ, tổ X, phường Tân M, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Thành T thuộc Văn phòng Luật sư Phạm D, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1- Chị Hoàng Thị Ch, sinh năm 1996, con của bà L

Địa chỉ: Thôn N, xã Nội H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thân Thị L, (văn bản ủy quyền ngày 04/9/2018).

2- Ông Thân Văn T1, sinh năm 1953, bố anh H1, anh bà L, (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã Nội H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Thân Văn H1, (văn bản ủy quyền ngày 20/9/2018), (có mặt);

3- Ông Thân Ngọc Gi, sinh năm 1956, anh bà L, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số N phố Bình Ph, phường Bình Ch, thị xã Thuận A, tỉnh Bình Dương.

4- Bà Thân Thị Ng, sinh năm 1964, em bà L, (có mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã Nội H, huyện Y, (vắng mặt);

5- Ông Thân Văn Ng1, sinh năm 1965, em bà L, (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã Nội H, huyện Y, (vắng mặt);

6- Bà Thân Thị L (tức Thân Thị Ch), sinh năm 1971, em bà L, (vắng mặt);

Địa chỉ: Trường THCS Quảng Ph, số M Nguyễn Th, phường Quảng Ph, thành phố Quảng Ng, tỉnh Quảng Ngãi.

7- Anh Thân Văn H2, sinh năm 1980, em trai anh H1, (có mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã Nội H, huyện Y.

8- Chị Nguyễn Thị Â, sinh năm 1978, vợ anh H1, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, phố Trương Đ, tổ X, phường Tân M, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Thân Văn H1, (văn bản ủy quyền ngày 26/10/2018).

9- Ủy ban nhân dân (UBND) xã Nội H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn Thọ, sinh năm 1980-Cán bộ địa chính xã Nội H, (văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019, (vắng mặt);

10- Ủy ban nhân dân huyện Y tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phòng Thị Ng, sinh năm 1982-Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, (văn bản ủy quyền số 141/UBND-NC ngày 30/01/2019, (vắng mặt).

Người làm chứng:

1- Ông Dương Thế M, sinh năm 1950, (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Tiên Ph, xã Nội H, huyện Y.

4- Bà Dương Thị B, sinh năm 1957, (vắng mặt);

3- Ông Dương Văn C, sinh năm 1964, (vắng mặt);

5- Bà Dương Thị Th1, sinh năm 1939, (vắng mặt);

6- Bà Dương Thị Ph, sinh năm 1938, (vắng mặt);

7- Bà Thân Thị T4, sinh năm 1972, (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã Nội H, huyện Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Thân Thị L trình bày: Mẹ bà là cụ cụ Dương Thị G; bố bà là cụ Dương Văn T5 có 06 người con là ông Thân Văn T1; ông Thân Ngọc Gi; bà (Thân Thị L); bà Thân Thị Ng, ông Thân Văn Ng1; bà Thân Thị L (tức Ch). Khi sinh ra bà là người khuyết tật. Khoảng năm 1992-1993, bà cùng với 5 người khuyết tật khác tại thôn N, xã Nội H đã được UBND xã Nội H và Hợp tác xã Nội H chia cho đất ở. Bà được chia phần đất ở là ao của Hợp tác xã. Sau đó, bà cùng mẹ bà đã tân ao, xây ngôi nhà 03 gian cấp bốn có diện tích 35m² (tường gạch 20, lợp ngói) và xây công trình phụ trên thửa đất đó. Vì bà có hoàn cảnh khó khăn, năm 1995 bà đã vào Miền Nam sống cùng anh trai của bà, (ông Thân Ngọc Gi). Trước khi vào Miền Nam, bà đã nhờ mẹ bà trông nhà giúp. Năm 1997, mẹ bà chết, bà đã về quê chịu tang mẹ và nhờ ông T1 (anh trai cả) trông nom nhà và đất của bà. Việc bà nhờ ông T1 trông nhà giúp bà thì chỉ nói bằng miệng, không lập văn bản. Sau này bà được biết anh Thân Văn H1 (con trai của ông T1) đã tự ý kê khai thửa đất số 304, tờ bản đồ số 03 của bà tại thôn N, xã Nội H. Nay, anh H1 đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Sau đó anh H1 đã tự ý phá nhà và công trình phụ của bà và xây một dãy ki ốt trên toàn bộ thửa đất của bà để cho người khác thuê. Năm 2017, bà đã về quê, bà đã yêu cầu anh H1 trả lại đất và nhà cho bà nhưng anh H1 không đồng ý. Ngày 01/11/2017, UBND xã Nội H tổ chức hòa giải giữa 2 bên, khi hòa giải anh H1 đã cam kết là mua cho bà 01 lô đất khác nhưng sau đó anh H1 đã không thực hiện đúng cam kết.

Nay, bà đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Yêu cầu anh H1 trả lại cho bà phần đất có diện tích 296,9m² tại thửa số 304, tờ bản đồ số 03 tại thôn N, xã Nội H, huyện Y.

2. Yêu cầu anh H1 phải trả cho bà 7.721.000 đồng là giá trị ngôi nhà cấp bốn 03 gian có diện tích 35m² do bà cùng mẹ bà đã xây dựng từ những năm 1990 mà anh H1 đã phá để xây ki ốt.

3. Đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Thân Văn H1 tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 03 tại thôn N, xã Nội H huyện Y.

Các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là: Xác nhận của nhiều người làm chứng trong thôn N trong đó có những người khuyết tật gồm: Bà Kh, bà Thịnh, bà V, bà B đã được Hợp tác xã thôn N chia đất ở. Ngoài ra ông Dương Thế M (nguyên là chủ nhiệm Hợp tác xã Nội H) và ông M1 (chủ tịch xã Nội H) là người trực tiếp chia đất cho bà cũng đã xác nhận cho bà về nội dung này. Hơn nữa, Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Thân Văn H1 là không đúng quy định của pháp luật; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của anh H1 là không đúng về hình thức và nội dung.

Bị đơn là anh Thân Văn H1 đã trình bày: Anh là con của ông Thân Văn T1 và là cháu của bà L. Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp với bà L là của ông bà nội anh được Nhà nước cấp vào khoảng năm 1960. Sau đó ông bà đã cho bố anh quản lý, sử dụng. Năm 2000, bố anh đã cho anh thửa đất này. Năm 2000 anh đã có Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ và UBND huyện Y đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh. Năm 2005, UBND huyện Y có chủ trương cấp đổi cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Anh đã có Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ. Quá trình cấp và cấp đổi Giấy chứng nhận cho thì UBND huyện Y đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hiện nay anh không còn Giấy chứng nhận QSDĐ năm 2000 để nộp cho Tòa án.

Toàn bộ tài sản trên đất trước kia là do bố anh và anh đã xây dựng vào các năm 1986, 1988, 1991 cho bà nội anh ở mà không phải là tài sản của bà L. Từ năm 1995 bà L đã vào Miền nam sinh sống. Năm 1997, bà nội anh chết. Cùng năm 1997, anh cùng em trai của anh là anh Thân Văn H2 san lấp hết phần ao và đã xây dựng 1 dãy ki ốt trên phần đất này. Anh không đồng ý với các nội dung khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Hoàng Thị Ch trình bày: Chị là con của bà L. Chị đồng ý với ý kiến của bà L, chị ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng tại Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Ân, (vợ anh H1), ông Thân Văn T1, (bố anh H1), anh Thân Văn H2, (em anh H1) đều trình bày: Chị Ân, ông T1 và anh H2 đồng ý với ý kiến của anh H1 và không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của bà L. Chị Ân và ông T1 ủy quyền cho anh H1 tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bà Thân Thị Ng, bà Thân Thị L (tức Ch), ông Thân Văn Ng1 đều trình bày: Các ông bà là anh, em ruột của bà L. Các ông bà đều không có liên quan đến thửa đất đang tranh chấp; các ông bà đều không đề nghị gì. Các ông bà đều xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Ông Thân Ngọc Gi (anh trai bà L) từ chối làm việc với Tòa án vì ông Gia cho rằng ông Gia không liên quan gì đến việc tranh chấp giữa bà L và anh H1, ông Gia đề nghị được vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án.

UBND huyện Y do bà Phòng Thị Ng đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc anh Thân Văn H1 được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ tại số thửa đất số 304 tờ bản đồ số 03 ở thôn N, xã Nội H là đúng theo trình tự của pháp luật. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh H1 được đảm bảo. Nguyên đơn là bà L đã đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên anh Thân Văn H1 là không có căn cứ.

UBND xã Nội H do ông Dương Văn Th1 đại diện trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà L và anh H1 là của cụ Dương Thị G là bà nội của anh H1 sử dụng, sau đó phân diện tích đất này được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Thân Văn H1. Quá trình sử dụng đất và thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh H1 đã không xảy ra tranh chấp gì. Sau khi xảy ra tranh chấp đất giữa bà L và anh H1, UBND xã Nội H đã hòa giải cơ sở nhưng không đạt được kết quả theo biên bản hòa giải. Hiện nay, UBND xã Nội H không còn lưu giữ sổ Nghị quyết của Đảng ủy hay Nghị quyết của Hợp tác xã Nội H từ những năm 1992- 1993 nên UBND xã Nội H không thể xác định được việc cấp đất tranh chấp này là cho bà L hay là cho cụ G.

Những người làm chứng: Ông Dương Văn C, bà Dương Thị B, bà Dương Thị Th, bà Thân Thị T4, bà Dương Thị Ph...đều trình bày: Năm 1993, Hợp tác xã Nội H có chủ trương và nghị quyết về việc cấp đất ở cho những người khuyết tật của xã, mỗi người được 01 diện tích đất ở. Riêng thôn N có 06 người khuyết tật được cấp đất ở, trong đó bà L được cấp 01 cái ao tại thôn N, xã Nội H, (phần đất đang tranh chấp với anh H1). Khi giao đất, cán bộ xã Nội H chỉ giao bằng miệng mà không lập thành văn bản. Sau khi bà L được cấp ao, bà L cùng cụ G (mẹ bà L). đã tân tạo phần ao để làm nhà ở, bà L cùng cụ G đã ở trên thửa đất này từ đó đến khi cụ G chết.

Ông Dương Thế M (nguyên là chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp xã Nội H) đã trình bày: Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc HTX đã cấp cho bà L theo nghị quyết của Hợp tác xã vì bà L là người khuyết tật có tiêu chuẩn được cấp đất. Nhưng theo sổ sách theo dõi của Hợp tác xã Nội H lúc bấy giờ thì người nhận đất lại được ghi tên cụ Ga.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 09/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 155, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 266 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Thân Thị L về việc đề nghị Tòa án: Buộc bị đơn, anh Thân Văn H1 phải trả bà diện tích đất ruộng 296,9m², thửa đất số 304, tờ bản đồ số 03 tại thôn N, xã Nội H, huyện Y; buộc anh H1 phải bồi thường giá trị ngôi nhà cấp bốn 03 gian làm bằng gỗ, tường xây gạch 20, lợp ngói có diện tích 35m² mà anh H1 đã phá dỡ trị giá 7.721.000 đồng; hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Thân Văn H1 tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 03 ở thôn N, xã Nội H huyện Y.

2. Về chi phí đo đạc khi thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Bà Thân Thị L phải chịu chi phí đo đạc khi xem xét thẩm định tại chỗ là 1.950.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 1.200.00 đồng. Xác nhận bà L đã nộp đủ số tiền trên.

3. Án phí DSST: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/12/2019, nguyên đơn là bà Thân Thị L nộp kháng cáo;

Tại phiên tòa, Nguyên đơn là bà Thân Thị L không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Nguyên đơn là bà Thân Thị L và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L là Luật sư Ngô Thế H và Luật sư Nguyễn Văn Th đều trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì lý do bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự cụ thể như sau:

Bà L có đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ, theo khoản 4, Điều 32 Luật tố tụng hành chính và theo Báo cáo 15/BC-TA ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp những hạn chế, thiếu sót trong công tác chuyên môn nghiệp vụ năm 2018 của Tòa án thông qua công tác kiểm tra đã hướng dẫn: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết là trái thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Phần đất tranh chấp là thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà L do bà L được Hợp tác xã thôn N, Đảng ủy xã thôn N giao cho bà L theo tiêu chuẩn người khuyết tật. Vấn đề này đã được nhiều người làm chứng xác nhận trong đó có người làm chứng quan trọng đó là ông Dương Thế M (nguyên là chủ nhiệm Hợp tác xã Nội H) là người trực tiếp chia đất cho bà L đã xác nhận. Hơn nữa, Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Thân Văn H1 là không đúng quy định của pháp luật. Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của anh H1 là không đúng về hình thức và nội dung. Đơn xin đăng ký cấp đổi quyền sử dụng đất anh H1 đã ghi nguồn gốc đất là UBND huyện cấp năm 2000 trong khi anh H1 lại khai đất có nguồn gốc của ông bà nội anh H1 để lại. Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của anh H1 cũng không có xác nhận của cán bộ địa chính về thông tin của thửa đất, đất lại đang có tranh chấp nhưng UBND huyện Y vẫn cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh H1 là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện ảnh hưởng quyền lợi của bà L.

+ Bị đơn là anh Thân Văn H1 và Luật sư Phạm Thành T1 là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H1 đã trình bày: Về việc bà L khiếu nại về thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giải quyết. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại của bà L, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội khẳng định: Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Bà L đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ vì Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Nguyên đơn là bà L đã xác định phần đất tranh chấp là của mình nhưng bà L lại không xuất trình được chứng cứ ngoài việc xác nhận của 1 số người làm chứng. Hơn nữa, bà L và những người làm chứng lại có lời khai mâu thuẫn về thời gian cấp đất. Luật đất đai năm 1993 không có quy định về việc tiêu chuẩn cấp đất cho người khuyết tật. Việc UBND huyện Y đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh H1 năm 2000 và cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh H1 năm 2005 đều có niêm yết công khai nhưng không có ai khiếu nại gì do vậy việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh H1 của UBND huyện Y là hợp pháp. Từ khi UBND xã hòa giải đến nay, anh H1 vẫn có

thiện chí mua cho bà L 01 lô đất tiêu chí hoặc hỗ trợ cho bà L 400.000.000đ để bà L mua 01 lô đất khác nhưng bà L vẫn không nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bà Thân Thị L: Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn bà Thân Thị L đã trình bày: Thừa đất tranh chấp có diện tích 296,9m² có số thửa 304, tờ bản đồ số 03 tại thôn N, xã Nội H có nguồn gốc là ao của Hợp tác xã Nội H cấp cho bà L vào năm 1987-1988 theo tiêu chuẩn người khuyết tật. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L lại khai bà L được cấp vào những năm 1992-1993. Bà L cùng mẹ bà L là cụ Dương Thị G tân ao và xây ngôi nhà cấp bốn 03 gian (có diện tích 35m²) và xây dựng công trình phụ. Năm 1995, bà L vào Miền Nam đã nhờ cụ G trông nhà giúp. Năm 1997, cụ G chết, bà L đã nhờ anh trai bà L là ông Thân Văn T1 trông nom giúp. Nay, anh Thân Văn H1 là con ông T1 đã tự ý làm thủ tục kê khai và anh H1 đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Hiện anh H1 đã phá nhà và công trình phụ của bà L để xây kiốt cho người khác thuê. Nay, bà L yêu cầu anh H1 trả lại đất và tài sản trên đất là ngôi nhà trị giá 7.721.000 đồng cho bà L. Bà L còn yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND huyện đã cấp cho anh H1.

Bị đơn anh Thân Văn H1 trình bày: Thừa đất tranh chấp hiện nay anh H1 đang quản lý sử dụng. Nguồn gốc đất này là đất của ông bà nội anh H1 để lại cho bố anh H1 là ông T1. Toàn bộ tài sản trên đất này là của bố anh và gia đình anh xây dựng vào các năm 1986, 1988, 1991 cho bà nội anh (cụ G) quản lý sử dụng. Nay bà L cho rằng phần đất và tài sản trên đất là của bà L là không đúng. Năm 1995 bà L đã và Miền Nam sinh sống. Năm 1997, cụ G chết, gia đình anh H1 vẫn sử dụng và đóng thuế đất. Sau đó bố anh H1 đã cho anh H1 phần đất này. Năm 2000, anh H1 UBND huyện Y đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, năm 2005 anh H1

được cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ. Anh H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà L kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm đã xử vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự như: Giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền, đánh giá đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện ảnh hưởng quyền lợi của bà L.

[1]. Xét kháng cáo của bà L về việc đất tranh chấp và tài sản trên đất (phần ngôi nhà cấp 4 mà anh H1 đã phá) thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1]. Về quyền sử dụng đất: Phần đất tranh chấp có diện tích 296,9m² có số thửa 304, tờ bản đồ số 03 tại thôn N, xã Nội H. Bà L đã xác định đất có nguồn gốc là ao của Hợp tác xã Nội H cấp cho bà vào năm 1987-1988 theo tiêu chuẩn người khuyết tật. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L lại khai bà L được cấp vào những năm 1992-1993.

Một số người làm chứng xác định thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là Hợp tác xã giao cho bà L. Nhưng ngoài chứng cứ là một số người làm chứng đã xác nhận cho bà L về điều này thì bà L không xuất trình được các chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất là của bà L theo quy định tại các Điều 99,100,101 Luật đất đai năm 2013.

Lời khai của một số người làm chứng cũng mâu thuẫn với nhau: Tại Biên bản lấy lời ngày 28/12/2018, ông Dương Thế M (nguyên là chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp xã Nội H) đã trình bày: Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc HTX đã cấp cho bà L theo nghị quyết của Hợp tác xã vì bà L là người khuyết tật có tiêu chuẩn được cấp đất. Nhưng theo sổ sách theo dõi của Hợp tác xã Nội H lúc bấy giờ thì người nhận đất lại được ghi tên cụ G, (BL 174). Tại phiên tòa phúc thẩm ông M lại trình bày: Theo Sổ sách của ông còn lưu (do ông tự ghi chép) có nêu Hợp tác xã Nội H đã giao đất cho bà L.

Một số người làm chứng khác lại khai đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Dương Thị G và cụ Thân Văn T là bố mẹ của bà L để lại.

Theo quy định tại Điều 13, Luật đất đai năm 1987 thì Ủy ban nhân dân huyện mới có thẩm quyền giao đất. Nếu có việc Hợp tác xã giao đất cho bà L năm 1992–1993 như bà L đã khai thì việc Hợp tác xã cấp đất cho bà L vào thời điểm năm 1992–1993 cũng là trái thẩm quyền. Quá trình xác minh tại UBND xã Nội H xác định hiện nay UBND xã không có nghị quyết, tài liệu, sổ sách giấy tờ nào lưu giữ liên quan đến việc cấp đất cho bà L vì lý do bà L là người khuyết tật. Bà L

không có hộ khẩu và không sinh sống ở địa phương xã Nội H kể từ năm 1997 đến tháng 5/2018.

UBND xã Nội H xác định về nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà L và anh H1 đã được cụ Dương Thị G là bà nội của anh H1 quản lý, sử dụng. Sau khi cụ G chết thì ông Thân Văn T1 là con cả của cụ G quản lý, sử dụng. Sau đó phần đất này được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Thân Văn H1 năm 2000 và đến năm 2005, anh H1 được UBND huyện Y cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ. Quá trình ông T1 sử dụng phần đất này cũng như quá trình anh H1 kê khai làm đơn đề nghị được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ từ năm 2000 không xảy ra tranh chấp.

UBND huyện Y xác định: Việc anh Thân Văn H1 được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ tại thửa đất số 304 tờ bản đồ số 03 ở thôn N, xã Nội H là đúng theo trình tự của pháp luật. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh H1 được đảm bảo. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên anh Thân Văn H1.

Với những căn cứ nêu trên phải xác định việc bà L kháng cáo đề nghị phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà L là không có căn cứ chấp nhận.

[1.2] -Về tài sản trên phần đất tranh chấp là ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ (được định giá là 7.721.000 đồng) thì thấy:

Bà L đã khai ngôi nhà cấp 4 có công sức xây dựng của bà L và mẹ bà L (cụ Dương Thị G). Nhưng lời khai của bà L đã không được anh H1 thừa nhận nhưng bà L cũng không có chứng cứ chứng minh về vấn đề này.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L về việc bà L yêu cầu anh Thân Văn H1 phải trả bà L phần sản trên đất là có căn cứ. Kháng cáo của bà L về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà L về việc đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên anh H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình sử dụng phần đất tranh chấp, anh H1 đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Theo sự phân tích ở phần [1] thì việc bà L khởi kiện yêu cầu anh Thân Văn H1 phải trả bà L phần đất tranh chấp và tài sản trên đất là không có căn cứ chấp nhận nên yêu cầu kháng cáo của bà L đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Bà L và các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L cho rằng: Theo khoản 4, Điều 32 Luật tố tụng hành chính và theo Báo cáo 15/BC-TA

ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc: “Tổng hợp những hạn chế, thiếu sót trong công tác chuyên môn nghiệp vụ năm 2018 của Tòa án thông qua công tác kiểm tra” đã hướng dẫn thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết là trái thẩm quyền, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Về nội dung này thì thấy:

Tại đơn khởi kiện, bà L đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên anh H1. Trước khi xét xử vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định chuyển lại vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết vì xét thấy không cần thiết phải hủy quyết định cá biệt mà vẫn đảm bảo giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự. Sau đó bà L có đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại của bà L của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã khẳng định: Việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng thẩm quyền, (BL: 355; 372).

Tại Báo cáo 15/BC-TA ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn: “Các vụ án trong đó các đương sự có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh”. Tuy nhiên theo hướng dẫn này đã dẫn đến số lượng vụ việc dân sự chuyển thẩm quyền đến Tòa án tỉnh nhiều, gây áp lực cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Trong các Hội nghị tập huấn về nghiệp vụ, các Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã đề nghị Tòa án tối cao giải thích về nội dung này.

Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn lại cụ thể như sau: “Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức:

1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó.

3. Khi xem xét hủy quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

4. Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh”.

Theo quy định nêu trên thì chỉ có những văn bản là quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết mới bị Tòa án xem xét hủy (những văn bản không phải là quyết định hành chính cá biệt thì không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều này).

Khi giải quyết vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức thì Tòa án phải xem xét, đánh giá về tính hợp pháp của quyết định cá biệt đó.

Trường hợp quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và phải hủy quyết định đó mới bảo đảm giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự mà việc hủy quyết định đó không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự thì Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự tiếp tục giải quyết và xem xét hủy quyết định đó.

Trường hợp việc xem xét hủy quyết định đó dẫn đến thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh (khoản 4, Điều 32 Luật tố tụng hành chính) thì Tòa án nhân dân cấp huyện đang thụ lý giải quyết vụ việc dân sự phải chuyển vụ việc cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết và xem xét hủy quyết định đó.

Trường hợp khi giải quyết vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định cá biệt nhưng không cần thiết phải hủy quyết định cá biệt đó và việc không hủy quyết định đó vẫn đảm bảo giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự thì Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự tiếp tục giải quyết”.

Như vậy, theo hướng dẫn ở trên thì Tòa án nhân dân huyện Y đã giải quyết vụ án là không trái thẩm quyền. Kháng cáo của bà L về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí DSPT: Bà Thân Thị L sinh năm 1959, thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bà Thân Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 155, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 266 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Thân Thị L về các nội dung sau:

Buộc anh Thân Văn H1 phải trả bà L phần đất có diện tích 296,9m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 03 ở thôn N, xã Nội H, huyện Y; buộc anh H1 phải bồi thường cho bà L giá trị ngôi nhà cấp bốn 03 gian làm bằng gỗ, tường xây gạch 20, lợp ngói có diện tích 35m² mà anh H1 đã phá dỡ trị giá 7.721.000 đồng; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Thân Văn H1 tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 03 ở thôn N, xã Nội H huyện Y.

2. Về chi phí đo đạc khi thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Bà Thân Thị L phải chịu chi phí đo đạc khi xem xét thẩm định tại chỗ là 1.950.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 1.200.00 đồng. Xác nhận bà L đã nộp đủ số tiền trên.

3. Án phí DSST: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

4. Án phí DSPT: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Y;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền